TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh

2. Ông Mai Trọng Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1990 (xin vắng mặt); Địa chỉ: Ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt); Địa chỉ: 160/91/77 Khu phố 1, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2022 của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T và bà Lê Thị Mỹ T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2019 do Ủy ban nhân dân xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/01/2019. Hai người sống chung được 2 năm nhưng vẫn chưa có con chung, nên xảy ra mâu thuẫn, do từ khi kết hôn ông T về sống chung với nhà bà T nên thường xuyên bị cha mẹ bà T xúc phạm, khinh dễ. Ông T phải dọn ra ngoài ở, nên vợ chồng không còn liên hệ và tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông T nộp đơn ly hôn. Ông T không yêu cầu tiến hành hòa giải, yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông T khai không có.
- Tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có.

Ngày 24/5/2022 ông T có yêu cầu vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

* Bà Lê Thị Mỹ T trình bày trong bản tự khai ngày 09/5/2022 như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T đồng ý với lời trình bày của ông T về việc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, nay ông T yêu cầu ly hôn bà T đồng ý ly hôn với

ông T, do bà T bị bệnh, khó khăn trong việc đi lại, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, bà T cam kết không khiếu nại gì.

- Về con chung: Bà T khai không có.
- Tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Duy T yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T có nơi cư trú tại Quận 7 nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2019 do Ủy ban nhân dân xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/01/2019, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Duy T và bà Lê Thị Mỹ T là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Ông T và bà T kết hôn năm 2019. Theo ông T, hai vợ chồng sống được 2 năm nhưng vẫn không có con chung. Nay ông T không còn tình cảm với bà T, cuộc sống hôn nhân không như ý, nên ông T yêu cầu ly hôn với bà T. Bà T có lời khai đồng ý ly hôn với ông T.

Xét, ông T và bà T sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nay ông T không còn tình cảm với bà T, hai người mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến đời sống của nhau là mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T cũng đồng ý ly hôn với ông T là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[2.3] Về con chung: Ông T, bà T cùng xác nhận không có con chung.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, và chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 các Điều 207, 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T.

[1.2] Về con chung: Ông Nguyễn Duy T, bà Lê Thị Mỹ T không có con chung.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Nguyễn Duy T phải chịu. Ông Nguyễn Duy T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0014116 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Duy T, bà Lê Thị Mỹ T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- UBND xã Bình Nhì, H Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân